

CÔNG TY TNHH NAKARA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NAKARA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400864689

3. Ngày thành lập: 27/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 03 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02043855899

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
2.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
3.	Cho thuê xe có động cơ	7710
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Phá dỡ	4311
6.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
9.	Bán buôn tổng hợp	4690
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
12.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
13.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
14.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
15.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
16.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
17.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
18.	Bán buôn đồ uống	4633
19.	Bán buôn thực phẩm	4632

20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
29.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
30.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước	7830
31.	Đại lý du lịch	7911
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
36.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
37.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
38.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
39.	Trồng cây ăn quả	0121
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
41.	Xây dựng nhà để ở	4101
42.	Xây dựng nhà không để ở	4102
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	Xây dựng công trình điện	4221
46.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
47.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
48.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện	4299
50.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
51.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
52.	Khai thác và thu gom than non	0520
53.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

